

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TTV24B4**

Năm học: **24-25**

Mã MH/MĐ: **MH02230**

Học kỳ: **01**

Tên MH/MĐ: **Tiếng anh chuyên ngành**

Số TC: **2**

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2454802030455	Ngô Huỳnh Anh	15/08/2009				5	8.0	9.0			6.3		6.9
2	2454802030456	Nguyễn Thị Lan Anh	13/05/2009				10	6.0	9.0			5.3		6.4
3	2454802030457	Đặng Phước Bảo	22/09/2009				1	8.0	5.0			9.5		7.9
4	2454802030458	Nguyễn Văn Bi	20/03/2009				6	8.0	6.0			5.3		5.9
5	2454802030459	Nguyễn Văn Chi	20/02/2009				0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0
6	2454802030460	Hà Minh Duy	11/09/2009				8	10.0	8.0			8.0		8.3
7	2454802030461	Trần Bảo Duy	10/08/2009				6	8.0	10.0			3.8	5.0	6.4
8	2454802030462	Hồ Hải Đăng	03/07/2009				9	5.0	9.0			5.5		6.3
9	2454802030463	Nguyễn Nhất Đô	22/11/2009				5	8.0	9.0			4.0	5.0	6.1
10	2454802030464	Vũ Phan Minh Đức	31/03/2009				8	9.0	5.0			4.8	5.0	5.9
11	2454802030465	Lê Thị Ngọc Huyền	14/10/2008				8	9.0	9.0			3.5	5.5	6.8
12	2454802030466	Phú Văn Kha	18/03/2009				5	5.0	10.0			7.3		7.2
13	2454802030467	Lê Bảo Khang	12/03/2009				0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0
14	2454802030468	Châu Quang Kiệt	15/10/2009				5	8.0	10.0			6.8		7.4
15	2454802030469	Hoa Thị Hồng Lan	23/09/2009				6	9.0	9.0			6.0		7.0
16	2454802030470	Nguyễn Thanh Luân	08/10/2008				5	7.0	5.0			4.0	5.0	5.3
17	2454802030471	Nguyễn Xuân Nam	04/02/2008				7	6.0	10.0			5.0		6.1
18	2454802030472	Nguyễn Đông Nghi	04/05/2009				7	8.0	6.0			6.0		6.4
19	2454802030473	Đinh Bảo Nghĩa	12/11/2009				9	8.0	6.0			5.5		6.3
20	2454802030474	Lê Trọng Nghĩa	17/10/2009				5	9.0	6.0			4.8	6.5	6.7
21	2454802030475	Trần Phúc Nguyên	03/03/2009				0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0
22	2454802030476	Đỗ Thành Phát	19/01/2009				5	5.0	7.0			4.8	7.0	6.5
23	2454802030477	Phạm Thế Phong	27/04/2009				5	4.0	6.0			6.5		5.9
24	2454802030478	Võ Hoài Phong	07/06/2009				5	9.0	10.0			4.3	5.8	6.9
25	2454802030479	Dương Hoài Phú	19/07/2009				9	8.0	9.0			5.8		6.9
26	2454802030480	Lữ Thiên Phú	17/07/2009				6	8.0	10.0			6.8		7.4
27	2454802030481	Nguyễn Thị Kim Thanh	08/01/2009				9	7.0	8.0			5.3		6.3
28	2454802030482	Lê Phước Thiện	16/04/2008				0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0
29	2454802030483	Trần Văn Thuận	07/06/2009				9	8.0	8.0			6.0		6.9
30	2454802030484	Trương Thị Cẩm Thùy	16/09/2009				0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0
31	2454802030485	Danh Thị Thu Thùy	15/01/2009				5	9.0	10.0			6.0		7.0
32	2454802030486	Võ Thị Kim Tiền	02/09/2009				5	9.0	3.0			6.0		5.9
33	2454802030487	Nguyễn Thị Mỹ Trang	27/10/2009				5	5.0	9.0			6.5		6.5
34	2454802030488	Nguyễn Công Trí	17/02/2009				7.5	5.0	7.0			3.5	5.0	5.5
35	2454802030489	Trần Thùy Trinh	27/03/2009				7.5	9.0	6.0			6.8		7.1
36	2454802030490	Đỗ Hồng Trúc	14/03/2009				10	6.0	5.0			3.5	5.5	5.9

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
37	2454802030491	Thái Phú Vinh	07/07/2009				9	6.0	6.0			6.5		6.5
38	2454802030492	Huỳnh Thị Tường Vy	18/04/2009				7.5	10.0	5.0			6.0		6.6

Châu Đốc, ngày 17 tháng 3 năm 2025

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Nguyễn Thị Huỳnh Nhi